

Bản án số: 02/2020/DS-ST

Ngày: 12-3-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi.
2. Bà Võ Thị Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh G.

Ngày 12/3/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 130/2019/TLST-DS ngày 30/12/2019 về **“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-DS ngày 24/02/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Ngọc L, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

Chị L, chị P có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc L trình bày: Vì là chỗ quen biết với nhau nên trước đó chị L có cho chị P mượn tiền nhiều lần. Đến ngày 10/01/2019, chị L đến nhà chị P yêu cầu trả nợ thì giữa chị L và chị P cùng thống nhất lại số tiền chị P còn nợ chị L là 87.000.000 đồng (*tám mươi bảy triệu đồng*) nợ gốc. Khi đó chị P tự nguyện viết giấy cam kết với nội dung nhận nợ chị L số tiền nợ gốc là 87.000.000 đồng và hứa trả cho chị L vào ngày 10/02/2019, sau khi viết giấy xong chị P tự nguyện ký tên và giao lại giấy cam kết đó cho chị L giữ. Trong thời gian cam kết chị P đã trả được cho chị L số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng (*ba mươi tám triệu đồng*) và còn nợ lại số tiền 49.000.000 đồng (*bốn mươi chín triệu đồng*). Do cần tiền để lo công việc gia đình nên chị L có gặp chị P để yêu cầu chị P trả số tiền còn nợ nhưng đến nay chị P chưa trả cho chị L số tiền nợ đó. Nay chị L khởi kiện yêu cầu chị P phải trả cho chị L số tiền nợ gốc là 49.000.000 đồng (*bốn mươi chín triệu đồng*), chị L không chấp nhận việc chị P xin trả dần số nợ trên mà yêu cầu trả một lần; chị L không yêu cầu chị P phải trả tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2019, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Minh P đã thừa nhận: Do là chỗ quen biết nên chị cũng nhiều

lần mượn tiền của chị L. Đến ngày 10/01/2019 thì chị P và chị L có ngồi lại và cùng nhau thống nhất số tiền chị P còn nợ chị L là 87.000.000 đồng (*tám mươi bảy triệu đồng*). Chị P tự nguyện viết giấy cam kết và hẹn đến ngày 10/02/2019 sẽ trả cho chị L số tiền nợ trên, chị P ký, ghi rõ họ tên nhận nợ và giao cho chị L giữ giấy cam kết. Trong quá trình nhận nợ chị P đã trả được cho chị L số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng (*ba mươi tám triệu đồng*) và còn nợ lại số tiền 49.000.000 đồng (*bốn mươi chín triệu đồng*). Nay chị Võ Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Minh P phải trả số tiền nợ gốc là 49.000.000 đồng thì chị P chấp nhận trả số tiền cho chị L nhưng hiện nay điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị P xin trả dần số nợ trên cho đến khi hết nợ.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Bản gốc Giấy cam kết đề ngày 10/01/2019, có nội dung là “tôi viết giấy này cam kết từ đây đến hết hoàn trả số tiền nợ gốc 87.000.000 đồng (*tám mươi bảy triệu đồng chẵn*)...” Nguyễn Thị Minh P ký, ghi rõ họ tên. Mặt sau của giấy cam kết không có chữ; 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Lê Thị N (bản sao); 01 Chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị Ngọc L (bản sao);

Các tài liệu, chứng cứ được bị đơn giao nộp, gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Minh P (bản photo); 01 giấy trả số tiền nợ gốc giữa chị Nguyễn Thị Minh P và chị Võ Thị Ngọc L (bản gốc).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị Ngọc L khởi kiện chị Nguyễn Thị Minh P, trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh G để yêu cầu phải trả số tiền còn nợ. Theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G thụ lý, giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về áp dụng pháp luật: Các bên đương sự đã xác lập giao dịch dân sự sau ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy cam kết đề ngày 10/01/2019 có nội dung là “tôi viết giấy này cam kết từ đây đến hết hoàn trả số tiền nợ gốc 87.000.000 đồng (*tám mươi bảy triệu đồng chẵn*)...” Nguyễn Thị Minh P ký, ghi rõ họ tên. Việc cam kết trả nợ và chứng cứ là giấy cam kết nói trên đã được chị P thừa nhận, điều này thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp.

Trong thời gian cam kết chị P đã trả được cho chị L số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng (*ba mươi tám triệu đồng*) và còn nợ lại số tiền 49.000.000 đồng (*bốn mươi chín triệu đồng*). Việc trả nợ và nhận nợ này đã được chị L và chị P thừa nhận trong bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa; nay chị L yêu cầu chị P phải trả số tiền còn nợ là 49.000.000 đồng (*bốn mươi chín triệu đồng*). Vì

vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, phù hợp theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015.

Việc bị đơn chị Nguyễn Thị Minh P xin được trả nợ dần số nợ 49.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc L đồng ý nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc L là có căn cứ và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc L được chấp nhận toàn bộ nên chị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Chị Nguyễn Thị Minh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là $49.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.450.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 275; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc L.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Minh P phải trả cho chị Võ Thị Ngọc L số tiền nợ gốc là 49.000.000 đồng (*bốn mươi chín triệu đồng*)

Kể từ ngày người được thi hành án (*chị L*) có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án (*chị P*) thi hành án xong khoản tiền nợ nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Minh P phải chịu 2.450.000 đồng (*hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.225.000 đồng (*một triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003272 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 12/3/2020*), đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc